

BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐĂNG KIỂM TÂY NINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
cùng với báo cáo của kiểm toán viên*

MST: 3 9 0 0 2 4 4 2 0 5

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐĂNG KIỂM TÂY NINH

Số 82 đường Trần Phú, khu phố Ninh Trung, phường Ninh Sơn, Tp.Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05-32
Bảng cân đối kế toán	05-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-32



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐĂNG KIỂM TÂY NINH

Số 82 đường Trần Phú, khu phố Ninh Trung, phường Ninh Sơn, Tp.Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Đăng Kiểm Tây Ninh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

CÔNG TY

Công Ty Cổ Phần Đăng Kiểm Tây Ninh được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3900244205 ngày 03/12/2008 và chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 5 (gần nhất) vào ngày 08/09/2017, do Sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh Tây Ninh cấp.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Số 82 đường Trần Phú, khu phố Ninh Trung, phường Ninh Sơn, Tp.Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Thông tin chi nhánh của Công ty tại thời điểm 31/12/2017:

- Tên chi nhánh : Chi nhánh Công ty Cổ phần Đăng kiểm Tây Ninh-Kiểm định số 2
Địa chỉ : Ấp Lộc Trát, xã Gia Lộc, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.
- Tên chi nhánh : Chi nhánh Công ty Cổ phần Đăng kiểm Tây Ninh-Trung tâm bảo dưỡng, sửa chữa ô tô - Cơ sở 2
Địa chỉ : Đường tránh Xuyên Á, ấp Lộc Trát, xã Gia Lộc, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.
- Tên chi nhánh : Chi nhánh Công ty Cổ phần Đăng kiểm Tây Ninh-Trung tâm bảo dưỡng, sửa chữa ô tô - Cơ sở 1
Địa chỉ : Số 82, đường Trần Phú, khu phố Linh Trung, phường Ninh Sơn, Tp.Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.
- Tên chi nhánh : Chi nhánh Công ty Cổ phần Đăng kiểm Tây Ninh-Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới số 3
Địa chỉ : Đường 793, ấp Thạnh Hưng, xã Thạnh Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.
- Tên chi nhánh : Chi nhánh Công ty Cổ phần Đăng kiểm Tây Ninh-Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới số 1
Địa chỉ : Số 82, đường Trần Phú, khu phố Linh Trung, phường Ninh Sơn, Tp.Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Văn Công Phong	Chủ tịch
Ông Nguyễn Xuân Hồng	Thành viên
Ông Phạm Minh Nghĩa	Thành viên
Bà Bùi Thị Kim Hoàng	Thành viên
Bà Bành Thanh Hương	Thành viên

Bổ nhiệm ngày 19/05/2017

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Văn Công Phong	Giám đốc
Ông Bùi Quang Tùng	Phó giám đốc
Ông Phạm Minh Nghĩa	Phó giám đốc
Bà Bùi Thị Kim Hoàng	Phó giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Trường Duy	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 19/05/2017
Ông Nguyễn Hồ Nam	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân	Thành viên	

3103021
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(Tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp.Tây Ninh, ngày 09 tháng 02 năm 2018

TM. Ban Giám đốc

Giám đốc



VĂN CÔNG PHONG

39002
C.T.C.P
M.H.Ư.
TOÁN
K
NAY
: HỒ

Số: 437/2017/HĐKT-BCTC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**
Công Ty Cổ Phần Đăng Kiểm Tây Ninh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công Ty Cổ Phần Đăng Kiểm Tây Ninh (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 09 tháng 02 năm 2018, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công Ty Cổ Phần Đăng Kiểm Tây Ninh tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 02 năm 2018

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam



Bùi Văn Bổng

Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0177-2018-042-1



Phạm Đức Thắng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3208-2015-042-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		21.539.201.705	24.441.622.155
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	19.390.348.678	16.808.158.742
1. Tiền	111		8.390.348.678	5.808.158.742
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.000.000.000	11.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		639.885.763	5.396.894.551
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	571.133.165	4.970.689.543
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	68.752.598	426.205.008
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	5.5	1.268.185.626	2.236.568.862
1. Hàng tồn kho	141		1.268.185.626	2.236.568.862
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		240.781.638	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.11	240.781.638	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		37.641.264.558	36.531.386.002
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.039.145.347	1.322.397.444
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	1.039.145.347	1.322.397.444
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		31.332.059.788	33.304.123.778
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	31.319.459.788	33.283.923.778
- Nguyên giá	222		48.451.868.270	47.386.761.108
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.132.408.482)	(14.102.837.330)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	12.600.000	20.200.000
- Nguyên giá	228		79.600.000	79.600.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(67.000.000)	(59.400.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.6	4.335.659.747	661.776.363
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		4.335.659.747	661.776.363
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	200.000.000	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		200.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		734.399.676	1.243.088.417
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	722.432.996	1.243.088.417
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	6.8.a	11.966.680	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		59.180.466.263	60.973.008.157

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.403.419.232	5.429.836.119
I. Nợ ngắn hạn	310		3.403.419.232	5.429.836.119
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	482.079.554	803.434.524
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	306.215.751	1.558.046.918
4. Phải trả người lao động	314		1.138.512.303	1.260.180.252
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	440.871.601	641.900.986
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.035.740.023	1.166.273.439
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		55.777.047.031	55.543.172.038
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.13	55.777.047.031	55.543.172.038
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.140.000.000	50.140.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		122.298.181	122.298.181
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.142.345.874	1.142.345.874
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.372.402.976	4.138.527.983
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ này	421b		4.372.402.976	4.138.527.983
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		59.180.466.263	60.973.008.157

Người lập

Kế toán trưởng

Tp.Tây Ninh, ngày 09 tháng 02 năm 2018

Giám đốc





NGUYỄN TRƯỜNG DUY

BÀNH THANH HƯƠNG

VĂN CÔNG PHONG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

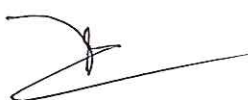
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	38.634.280.618	52.715.875.996
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		38.634.280.618	52.715.875.996
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	12.128.709.206	25.990.033.390
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26.505.571.412	26.725.842.606
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	536.660.250	546.445.225
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	6.4	7.934.614.982	8.549.145.711
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	11.871.069.009	11.293.033.422
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.236.547.671	7.430.108.698
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	6.6	126.828.515	-
13. Lợi nhuận khác	40		(126.828.515)	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.109.719.156	7.430.108.698
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.7	1.550.290.625	1.486.021.740
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	6.8.b	(11.966.680)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.571.395.211	5.944.086.958
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	872,04	825,39

Người lập

Kế toán trưởng

Tp.Tây Ninh, ngày 09 tháng 02 năm 2018


NGUYỄN TRƯỜNG DUY

BÀNH THANH HƯƠNG

VĂN CÔNG PHONG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.109.719.156	7.430.108.698
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		3.037.171.152	3.020.397.136
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(536.660.250)	(546.445.225)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		9.610.230.058	9.904.060.609
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		4.475.179.247	(5.573.755.533)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		968.383.236	(631.912.684)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1.499.753.683)	1.415.447.368
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		520.655.421	274.148.541
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.946.420.413)	(1.876.309.988)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		748.500.000	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.753.725.651)	(726.791.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		11.123.048.215	2.784.887.063
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(4.738.990.546)	(1.280.428.502)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(200.000.000)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		536.660.250	515.445.225
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.402.330.296)	(764.983.277)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.138.527.983)	(3.838.235.367)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.138.527.983)	(3.838.235.367)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		2.582.189.936	(1.818.331.581)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		16.808.158.742	18.626.490.323
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70		19.390.348.678	16.808.158.742

Người lập

Kế toán trưởng




Tp.Tây Ninh, ngày 09 tháng 02 năm 2018



NGUYỄN TRƯỜNG DUY

BÀNH THANH HƯƠNG

VĂN CÔNG PHONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công Ty Cổ Phần Đăng Kiểm Tây Ninh được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3900244205 ngày 03/12/2008 và chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 5 (gần nhất) vào ngày 08/09/2017, do Sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh Tây Ninh cấp.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Số 82 đường Trần Phú, khu phố Ninh Trung, phường Ninh Sơn, Tp.Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 50.140.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 50.140.000.000 đồng; tương đương 5.014.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tên chủ sở hữu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phần	VND
Vốn Nhà Nước (UBND tỉnh Tây Ninh)	49,00	2.456.860	24.568.600.000
Cổ đông khác	51,00	2.557.140	25.571.400.000
Cộng	100,00	5.014.000	50.140.000.000

Lĩnh vực kinh doanh: dịch vụ

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Dịch vụ kỹ thuật công trong kiểm tra, đánh giá, chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho các loại xe cơ giới đang lưu hành, các loại xe máy chuyên dùng, xe máy kéo nông nghiệp, lâm nghiệp có tham gia giao thông đường bộ, các phương tiện thủy nội địa. Giám định trạng thái kỹ thuật xe cơ giới theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc của chủ phương tiện. Tham gia giám định sự cố, tai nạn liên quan đến kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước. Tổ chức hoạt động dịch vụ tư vấn kỹ thuật ngoài công ích theo quy định của Cục đăng kiểm và của pháp luật. Tổ chức nghiên cứu các đề tài khoa học (theo kế hoạch của Cục đăng kiểm, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao).
- Bán buôn và làm đại lý ô tô, các xe có động cơ khác.
- Bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo phương tiện giao thông đường bộ.
- Bán máy móc, phụ tùng ô tô, phụ tùng xe cơ giới, thiết bị thi công cơ giới.
- Đóng mới phương tiện giao thông đường bộ và xe cơ giới.
- Thiết kế phương tiện giao thông đường bộ.
- Đại lý bảo hiểm mô tô, tàu thủy và phương tiện vận tải khác.

Số lượng nhân viên: Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 103 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 112 nhân viên).

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(Tiếp theo)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền)

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

4.2 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.3 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(Tiếp theo)

- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.5 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 và thông tư 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 06 năm 2013.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(Tiếp theo)

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4.7 Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp.

Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10	năm

4.8 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

4.9 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
(Tiếp theo)

4.10 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

4.11 Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
(Tiếp theo)

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

4.13 Doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(Tiếp theo)

4.14 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

4.15 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong năm, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

4.16 Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

4.17 Các khoản thuế

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
(Tiếp theo)

4.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	384.875.400	579.153.500
Tiền gửi ngân hàng [1]	8.005.473.278	5.229.005.242
Các khoản tương đương tiền [2]	11.000.000.000	11.000.000.000
	19.390.348.678	16.808.158.742

Trong đó:

[1] Tiền gửi ngân hàng gồm:

+ Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam	3.407.952.486	3.729.354.976
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	2.686.522.791	1.490.847.719
+ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	1.910.998.001	8.802.547

[2] Các khoản tương đương tiền là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, bao gồm:

+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - kỳ hạn 1 tháng	10.000.000.000	10.000.000.000
+ Ngân hàng Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam - kỳ hạn 1 tháng	1.000.000.000	1.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
(Tiếp theo)

5.2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND		VND
Đầu tư dài hạn				
- Trái phiếu [3]	200.000.000	200.000.000	-	-
	<u>200.000.000</u>	<u>200.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

[3] Trái phiếu do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành năm 2017, mệnh giá 10.000.000 đồng/ trái phiếu, kỳ hạn 10 năm, lãi suất thả nổi và được trả lãi định kỳ mỗi năm 1 lần.

5.3 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
- Công ty Bảo hiểm MIC Tây Ninh	108.456.740	-
- Cục Đăng kiểm Việt Nam	282.984.000	30.170
- VPĐD Giám định bồi thường PTI tại Tp. Hồ Chí Minh	107.509.325	-
- Công ty Bảo hiểm PVI Bình Dương	21.610.000	377.451.250
- Chi nhánh Bảo hiểm AAA Tây Ninh	12.507.000	-
- Công ty CP Bảo hiểm Viễn Đông - CN Tây Ninh	5.225.000	39.110.000
- Công ty Bảo Việt Tây Ninh	880.000	101.893.000
- Công ty TNHH Can Sports Việt Nam	9.873.600	10.014.400
- Công ty Bảo hiểm Vietinbank Đồng Nai	15.526.500	1.732.500
- Sở y tế Tây Ninh	-	4.020.000.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	6.561.000	420.458.223
	<u>571.133.165</u>	<u>4.970.689.543</u>

5.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	68.752.598	-	426.205.008	-
Phải thu về cổ phần hóa	-	-	836.000	-
Thuế GTGT khấu trừ chưa kê khai	37.752.598	-	64.369.008	-
Phải thu về lãi tiền gửi có kỳ hạn	31.000.000	-	31.000.000	-
Tạm ứng	-	-	330.000.000	-
b) Dài hạn	1.039.145.347	-	1.322.397.444	-
Ký cược, ký quỹ [4]	592.815.000	-	917.115.000	-
Phải thu khác [5]	446.330.347	-	405.282.444	-
	<u>1.107.897.945</u>	<u>-</u>	<u>1.748.602.452</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(Tiếp theo)

[4] Khoản ký quỹ bao gồm:

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Ký quỹ Công ty TNHH Đông Đô Thành - CN2	139.800.000	-
- Ký quỹ Công ty TNHH TMXNK Cường Nga	453.015.000	453.015.000
- Ký quỹ Công ty An Thái	-	464.100.000
	592.815.000	917.115.000

[5] Phải thu khác (khoản phải thu do Công ty cổ phần hóa - Cty TNHH MTV Đăng Kiểm Xe Cơ Giới Tây Ninh bàn giao lại) là khoản tiền Công ty cổ phần hóa đã trả hộ tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các hộ gia đình và cá nhân để thực hiện dự án Đầu tư Chi nhánh kiểm định thứ 02 theo công văn xác nhận số 1732/STC-CSVG của Sở Tài chính tỉnh Tây Ninh ngày 23/11/2011 và công văn số 380/QĐ-CT của Cục Thuế tỉnh Tây Ninh về việc bù trừ tiền bồi thường, hỗ trợ về đất vào tiền thuê đất.

5.5 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng hoá	1.268.185.626	-	2.236.568.862	-
	1.268.185.626	-	2.236.568.862	-

5.6 TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Xây dựng cơ bản dở dang		
Thiết bị kiểm tra khí xả động cơ xăng - diesel	-	408.700.000
Dự án đường NB, mương thoát nước	-	85.910.909
Dự án xây dựng xưởng sửa chữa Trảng Bàng	-	167.165.454
Dự án Xây dựng Trạm Đăng Kiểm Tân Châu	4.335.659.747	-
	4.335.659.747	661.776.363

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐĂNG KIỂM TÂY NINH

Số 82 đường Trần Phú, khu phố Ninh Trung, phường Ninh Sơn, Tp. Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

Báo cáo tài chính
Mẫu số B 09-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
(Tiếp theo)

5.7 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng
	VND		VND		VND		VND		VND
Nguyên giá									
Số dư đầu năm	34.156.386.064		12.073.772.993		831.320.234		325.281.817		47.386.761.108
- Mua trong năm	-		-		-		-		-
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	656.407.162		408.700.000		-		-		1.065.107.162
Số dư cuối năm	34.812.793.226		12.482.472.993		831.320.234		325.281.817		48.451.868.270
Giá trị hao mòn lũy kế									
Số dư đầu năm	7.455.781.635		5.866.246.922		483.634.819		297.173.954		14.102.837.330
- Khấu hao trong kỳ	1.754.518.510		1.173.052.455		73.892.324		28.107.863		3.029.571.152
Số dư cuối năm	9.210.300.145		7.039.299.377		557.527.143		325.281.817		17.132.408.482
Giá trị còn lại									
Tại ngày đầu năm	26.700.604.429		6.207.526.071		347.685.415		28.107.863		33.283.923.778
Tại ngày cuối năm	25.602.493.081		5.443.173.616		273.793.091		-		31.319.459.788

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng
- Nguyên giá tài sản cố định tăng trong năm bao gồm:

+ Tăng nhà cửa, vật kiến trúc: Tăng nguyên giá TSCĐ xưởng Trảng Bàng sau quyết toán đầu tư XD CB, chi tiết như sau:

Tên TSCĐ	Giá trị tạm tính	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Giá trị quyết toán
Đường nội bộ và mương thoát nước	920.812.014	178.302.728	-	1.099.114.742
Nhà xưởng sửa chữa ô tô	4.479.785.701	478.104.434	-	4.957.890.135
Tổng cộng	5.400.597.715	656.407.162	-	6.057.004.877

+ Tăng máy móc, thiết bị: Đầu tư mua sắm thiết bị kiểm tra khí xả động cơ xăng và diesel với giá trị ghi nhận nguyên giá tương ứng là 218.700.000 đồng và 190.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
(Tiếp theo)

5.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	79.600.000	79.600.000
Số dư cuối năm	79.600.000	79.600.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	59.400.000	59.400.000
- Khấu hao trong năm	7.600.000	7.600.000
Số dư cuối năm	67.000.000	67.000.000
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	20.200.000	20.200.000
Tại ngày cuối năm	12.600.000	12.600.000

5.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Dài hạn		
Chi phí trả trước dài hạn khác	722.432.996	1.243.088.417
	722.432.996	1.243.088.417

5.10 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả người bán ngắn hạn	482.079.554	334.585.728	803.434.524	803.434.524
Công ty CP Ô tô Trường Hải	21.937.876	21.937.876	7.193.855	7.193.855
Công ty TNHH Thái Phùng	21.110.000	21.110.000	46.890.000	46.890.000
Công ty CP Ô tô Phú Mỹ	32.230.000	32.230.000	7.343.820	7.343.820
Cửa hàng phụ tùng Ô tô A. Ngẫu	31.190.000	31.190.000	33.600.000	33.600.000
Công ty TNHH TM DV ĐT&PT Việt	43.736.000	43.736.000	79.024.000	79.024.000
Công ty TNHH MTV Ngọc Vân Khánh	27.344.900	27.344.900	-	-
Công ty TNHH TMXNK Cường Nga	157.036.952	157.036.952	95.508.722	95.508.722
Bến Thành	-	-	119.642.039	119.642.039
Phải trả các đối tượng khác	147.493.826	-	414.232.088	414.232.088
	482.079.554	334.585.728	803.434.524	803.434.524

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐĂNG KIỂM TÂY NINH

Số 82 đường Trần Phú, khu phố Ninh Trung, phường Ninh Sơn, Tp. Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

Báo cáo tài chính

Mẫu số B 09-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(Tiếp theo)

5.11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		660.923.378		2.465.322.281		3.022.645.469		-		103.600.190	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		587.021.740		1.550.290.625		1.946.420.413		-		190.891.952	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		3.381.800		65.267.210		64.975.401		-		3.673.609	
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		-		405.512.059		646.293.697		240.781.638		-	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		306.720.000		3.913.280.000		4.211.950.000		-		8.050.000	
	-		1.558.046.918		8.399.672.175		9.892.284.980		240.781.638		306.215.751	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(Tiếp theo)

5.12 PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Bảo hiểm xã hội	27.431.800	-
- Phải trả thu hộ Công ty Bảo hiểm PJCO	332.891.870	207.320.425
- Phải trả thu hộ Công ty CP Bảo hiểm Viễn Đông	49.374.260	1.579.000
- Phải trả thu hộ CN Bảo hiểm AAA Tây Ninh	29.286.420	19.098.300
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.887.251	413.903.261
	<u>440.871.601</u>	<u>641.900.986</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐĂNG KIỂM TÂY NINH

Số 82 đường Trần Phú, khu phố Ninh Trung, phường Ninh Sơn, Tp. Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

Báo cáo tài chính

Mẫu số B 09-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(Tiếp theo)

5.13 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	50.140.000.000	122.298.181	-	551.717.178	3.838.422.618	54.652.437.977
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	-	5.944.086.958	5.944.086.958
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	590.628.696	(5.643.981.593)	(5.053.352.897)
Số dư cuối năm trước	50.140.000.000	122.298.181	-	1.142.345.874	4.138.527.983	55.543.172.038
Số dư đầu năm nay	50.140.000.000	122.298.181	-	1.142.345.874	4.138.527.983	55.543.172.038
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	-	-	5.571.395.211	5.571.395.211
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(4.138.527.983)	(4.138.527.983)
Giảm khác	-	-	-	-	(1.198.992.235)	(1.198.992.235)
Số dư cuối năm nay	50.140.000.000	122.298.181	-	1.142.345.874	4.372.402.976	55.777.047.031

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên số 17/NQ-ĐKTN ngày 19/5/2017, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	5.944.086.958
Trích thù lao Hội đồng quản trị		37.800.000
Trích Quỹ đầu tư phát triển	10,00%	590.628.696
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19,93%	1.177.130.279
Chi trả cổ tức	70,07%	4.138.527.983
Lợi nhuận còn chưa phân phối		-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(Tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2017 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2017 VND
Vốn góp của nhà nước (Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh)	49,00%	24.568.600.000	66,11%	33.150.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	51,00%	25.571.400.000	33,89%	16.990.000.000
	100%	50.140.000.000	100%	50.140.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	50.140.000.000	50.140.000.000
- Vốn góp đầu năm	50.140.000.000	50.140.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	50.140.000.000	50.140.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	4.138.527.983	3.838.422.618
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	4.138.527.983	3.838.422.618
- Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.014.000	5.014.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.014.000	1.699.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.882.400	1.567.400
- Cổ phiếu ưu đãi	44.900	44.900
- Cổ phiếu cam kết	86.700	86.700
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.014.000	1.699.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.882.400	1.567.400
- Cổ phiếu ưu đãi	44.900	44.900
- Cổ phiếu cam kết	86.700	86.700
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.142.345.874	1.142.345.874
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
	1.142.345.874	1.142.345.874

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(Tiếp theo)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	5.541.619.046	18.553.831.168
Doanh thu cung cấp dịch vụ	33.092.661.572	34.162.044.828
	38.634.280.618	52.715.875.996

6.2 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	5.397.405.975	17.940.951.123
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.731.303.231	8.049.082.267
	12.128.709.206	25.990.033.390

6.3 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	536.660.250	546.445.225
	536.660.250	546.445.225

6.4 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nhân công	5.175.478.018	5.550.162.757
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.234.101.250	1.214.227.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.075.259.149	1.324.419.065
Chi phí khác bằng tiền	449.776.565	460.336.889
	7.934.614.982	8.549.145.711

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
(Tiếp theo)

6.5 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	518.581.962	578.102.937
Chi phí nhân công	7.352.001.471	7.039.395.357
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.803.069.902	1.806.170.136
Thuế, phí, lệ phí	370.464.156	346.934.511
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.364.892.759	1.099.144.611
Chi phí khác bằng tiền	462.058.759	423.285.870
	11.871.069.009	11.293.033.422

6.6 CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Phạt nộp bổ sung thuế GTGT theo biên bản thanh tra thuế	33.942.763	-
Phạm vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế theo biên bản thanh tra	25.430.992	-
Phạt chậm nộp thuế GTGT, TNDN theo biên bản thanh tra thuế	67.454.760	-
	126.828.515	-

6.7 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.109.719.156	7.430.108.698
Các khoản điều chỉnh tăng	94.740.606	-
- Chi phí phạt và truy thu thuế	94.740.606	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	7.204.459.762	7.430.108.698
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	1.440.891.952	1.486.021.740
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm nay	109.398.673	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	587.021.740	977.309.988
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(1.946.420.413)	(1.876.309.988)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	190.891.952	587.021.740

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(Tiếp theo)

6.8 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	22%	
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	11.966.680	-
	<u>11.966.680</u>	<u>-</u>

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ [6]	(11.966.680)	-
	<u>(11.966.680)</u>	<u>-</u>

[6] TSCĐ đã hết khấu hao khi đánh giá lại TSCĐ cổ phần hóa chỉ được trích vào chi phí kinh doanh kể từ ngày được cấp giấy phép kinh doanh. Công ty đã trích khấu hao trước đối với TSCĐ này tương ứng 54.394.000 đồng, do đó phát sinh tài sản thuế TNDN hoãn lại là 11.966.680 đồng ($54.394.000 \times 22\%$)

6.9 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	5.571.395.211	5.944.086.958
Các khoản điều chỉnh	(1.198.992.235)	(1.805.558.975)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế	(1.171.792.235)	(1.177.130.279)
- Quỹ đầu tư, phát triển	-	(590.628.696)
- Chi thù lao HĐQT	(27.200.000)	(37.800.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	4.372.402.976	4.138.527.983
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	5.014.000	5.014.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>872,04</u>	<u>825,39</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
(Tiếp theo)

6.10 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.373.603.075	13.831.802.525
Chi phí nhân công	12.527.479.489	12.589.558.114
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.037.171.152	3.020.397.136
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.440.151.908	2.423.563.676
Chi phí khác bằng tiền	1.282.299.480	1.230.557.270
	31.660.705.104	33.095.878.721

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.390.348.678	-	16.808.158.742	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.679.031.110	-	6.719.291.995	-
Đầu tư dài hạn	200.000.000	-	-	-
	21.269.379.788	-	23.527.450.737	-

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	922.951.155	1.445.335.510
	922.951.155	1.445.335.510

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(Tiếp theo)

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.390.348.678	-	-	19.390.348.678
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.679.031.110	-	-	1.679.031.110
Đầu tư dài hạn	200.000.000	-	-	200.000.000
	<u>21.269.379.788</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>21.269.379.788</u>
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.808.158.742	-	-	16.808.158.742
Phải thu khách hàng, phải thu khác	6.719.291.995	-	-	6.719.291.995
	<u>23.527.450.737</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>23.527.450.737</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(Tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2017				
Phải trả người bán, phải trả khác	922.951.155	-	-	922.951.155
	<u>922.951.155</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>922.951.155</u>
Tại ngày 01/01/2017				
Phải trả người bán, phải trả khác	1.445.335.510	-	-	1.445.335.510
	<u>1.445.335.510</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1.445.335.510</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

8. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

9. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, đã được Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt nam kiểm toán.

Người lập

Kế toán trưởng

Tp. Tây Ninh, ngày 09 tháng 02 năm 2018

Giám đốc

NGUYỄN TRƯỜNG DUY

BÀNH THANH HƯƠNG

VĂN CÔNG PHONG

